

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26-4-2022

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Tâm

2. Ông Trần Quang Thái

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Trí Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Trang T, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Số 122, ấp PH, xã ĐM, huyện ThS, tỉnh An Giang

Bị đơn: Chị Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 122, ấp PH, xã ĐM, huyện ThS, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Trần Trang T trình bày:

Anh và chị B do tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995, có đăng ký kết tại UBND xã Định Mỹ, huyện Thoại Sơn. Quá trình chung sống, giữa anh và chị B phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu do chị B không trung thực

trong việc quản lý tài chính khiến gia đình nhiều lần lâm vào cảnh nợ nần. Mặc dù anh T đã cố gắng khuyên nhủ, tạo cơ hội để chị B sửa đổi nhưng không có kết quả nên khiến cho mâu thuẫn giữa vợ chồng càng lúc càng nghiêm trọng. Đến nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mặc dù vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không còn sự quan tâm, chia sẻ với nhau nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị B.

- Về con chung: Có hai con chung tên Trần Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 20/9/1997 và Trần Nguyễn Vạn K, sinh ngày 10/02/2005. Cháu Tr đã trưởng thành và có khả năng tự lập nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Đối với cháu K thì tùy theo nguyện vọng của cháu, nếu cháu muốn sống với anh T thì anh T không yêu cầu chị B cấp dưỡng, còn nếu cháu muốn sống với chị B thì anh T không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là chị Nguyễn Ngọc B trình bày:

Chị và anh T do tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau năm 1996, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Định Mỹ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có hai con chung, thời gian gần đây do làm ăn thất bại nên có gây ra một số nợ nhưng gia đình của chị đã giải quyết xong. Vì vậy, theo chị B thì vợ chồng đã không còn khúc mắc gì nên chị B mong muốn được cùng anh T duy trì cuộc sống hôn nhân để cùng nhau nuôi dạy các con nên người, chị không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

- Về con chung: Có hai con chung tên Trần Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 20/9/1997 và Trần Nguyễn Vạn K, sinh ngày 10/02/2005. Cháu Tr đã trưởng thành và có khả năng tự lập nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Đối với cháu K thì tùy theo nguyện vọng của cháu, nếu cháu muốn sống với anh T thì chị B không cấp dưỡng, còn nếu cháu muốn sống với chị B thì chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn là anh Trần Trang T trình bày: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì hôn nhân nên anh yêu cầu được ly hôn với chị B. Về con chung: Cháu Tr đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét, cháu K hiện chưa trưởng thành nên khi ly hôn thì tùy nguyện vọng của con, anh không yêu cầu cấp dưỡng và cũng không cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn là chị Nguyễn Ngọc B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Chị B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội

đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T, cho anh T ly hôn với chị B. Về con chung: Giao cháu Khang cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị B không cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Anh T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Trang T và chị Nguyễn Ngọc B chung sống với nhau có đăng ký kết hôn (Theo bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 01/1997, do UBND xã Định Mỹ cấp ngày 25/9/1997). Chị Nguyễn Ngọc B có hộ khẩu thường trú tại Số 122, ấp PH, xã ĐM, huyện ThS, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét việc tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị B xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Mỹ, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo anh T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu về kinh tế, do chị B không minh bạch, rõ ràng trong quản lý tiền bạc nhiều lần gây nợ nần. Mặc dù anh T khuyên nhủ và tìm biện pháp khắc phục nhưng chị B không thay đổi. Ngoài ra, trong quá trình chung sống giữa anh và chị B còn phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể giải quyết nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị B. Chị B thừa nhận do làm ăn thất bại nên có gây nợ nần nhưng số nợ này gia đình chị đã giải quyết xong, giữa chị và anh T không còn khúc mắc như anh T trình bày nên không đồng ý ly hôn.

[2.2] Thấy rằng, pháp luật về hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, yêu thương, chung thủy và cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Quá trình chung sống giữa chị B và anh T phát sinh mâu thuẫn chủ yếu về kinh tế nhưng hai bên không có biện pháp hàn gắn. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hai bên cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm, anh T cương quyết ly hôn điều này cho thấy mục đích hôn nhân giữa anh T và chị B không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên có đủ cơ sở cho anh T ly hôn với chị B.

[3] Về con chung: Có hai con chung tên Trần Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 20/9/1997 và Trần Nguyễn Vạn K, sinh ngày 10/02/2005. Cháu Tr đã trưởng thành và có khả năng tự lập nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu K, Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu qua đó thể hiện nguyện vọng của cháu muốn sống với cha là anh T nếu cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu, để cháu có thể ổn định cuộc sống, phát triển bình thường nên cần giao cháu K cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận anh T không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung*: Anh T và chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5] *Về nợ chung*: Anh T và chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6] *Về án phí*: Anh Trần Trang T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Nguyễn Ngọc B không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Trang T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trần Trang T được ly hôn chị Nguyễn Ngọc B.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 29/K.H do UBND xã Định Mỹ, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cấp ngày 25 tháng 9 năm 1997 cho anh Trần Trang T và chị Nguyễn Ngọc B không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. *Về con chung*: Giao cháu Trần Nguyễn Vạn K, sinh ngày 10/02/2005 cho anh Trần Trang T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh Trần Trang T không yêu cầu chị Nguyễn Ngọc B cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Ngọc B và các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của anh Trần Trang T. Anh Trần Trang T và các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở chị Nguyễn Ngọc B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về án phí*: Anh Trần Trang T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng anh T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008817 ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Chị Nguyễn Ngọc B không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Thoại Sơn (1);
- THADS huyện Thoại Sơn (1);
- UBND xã Định Mỹ (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Mỹ Linh